TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 3 - 2023
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Văn Phượng**.

2. Ông **Thạch Thanh Tâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên toà:* Bà **Lê Hồng Như**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2022/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12năm 2022 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lý Thị Sa T**, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Lê Hữu V**, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lý Thị Sa T trình bày:***

Khi bà Lý Thị Sa T được khoảng 17, 18 tuổi. Hiện tại bà Lý Thị Sa T không nhớ rõ năm nào, bà Lý Thị Sa T và ông Lê Hữu V tự nguyện sống chung như vợ chồng nhưng chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Sau quá trình bà Lý Thị Sa T chung sống có hai con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 24/6/2008 và Lê Tuấn K, sinh ngày 22/7/2010. Sau đó đến năm 2011, bà Lý Thị Sa T mới tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Long Phú cấp giấy chứng

nhận kết hôn số 164/2011, quyển số 01/2011 ngày 22/7/2011. Từ khi sống chung như vợ chồng đến khi đăng ký kết hôn bà Lý Thị Sa T đều sinh sống tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do ông Lê Hữu V đứng tên chủ hộ. Nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng bà Lý Thị Sa T phát sinh mâu thuẫn là do ông Lê Hữu V nhậu về gây ra nhiều vấn đề rạn nứt trong cuộc sống vợ chồng. Bà Lý Thị Sa T đã không thể hàn gắn được mâu thuẫn và đến năm 2012 thì ông V về sống bên gia đình của cha mẹ ruột tại Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Vợ chồng bà Lý Thị Sa T có hai người con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 24/6/2008 và Lê Tuấn K, sinh ngày 22/7/2010. Nay bà Lý Thị Sa T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hữu V. Bà Lý Thị Sa T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 24/6/2008 và Lê Tuấn K, sinh ngày 22/7/2010. Sau đó đến năm 2011 đến khi thành niên và không yêu cầu ông Lê Hữu V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có, bà Lý Thị Sa T không yêu cầu.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Lý Thị Sa T đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lý Thị Sa T (bản chứng thực);

+ Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Lê Hữu V (bản sao chứng thực);

+ Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn;

+ Giấy khai sinh mang tên Lê Bảo N (bản chứng thực);

+ Giấy khai sinh mang tên Lê Tuấn K (bản sao);

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Lê Hữu V và được ông Lê Hữu V nhận trực tiếp cũng như ông Lê Hữu B, ông Lê Hữu Hoàng E là cha và em ruột, ngụ cùng địa chỉ nhận thay các văn bản tố tụng. Do đó việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông Lê Hữu V không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Lê Bảo N, sinh ngày 24/6/2008 và Lê Tuấn K, sinh ngày 22/7/2010. Theo đó, cháu Lê Bảo N và Lê Tuấn K đã đưa ra nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Bên cạnh đó Tòa án đã tiến hành xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ chồng, con trong vụ án.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 28/02/2023, bà Lý Thị Sa T có văn bản yêu cầu vắng mặt xét xử.

Trong đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bà Lý Thị Sa T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lê Hữu V và không thể có mặt được vì đang bận công việc. Bên cạnh đó, giữa bà và bị đơn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lý Thị Sa T vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn ông Lê Hữu V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Lý Thị Sa T và ông Lê Hữu V không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Lý Thị Sa T cho vợ chồng bà Lý Thị Sa T ông Lê Hữu V ly hôn. Về con chung giao cho bà Lý Thị Sa T trực tiếp nuôi dưỡng và ông Lê Hữu V không phải phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung bà Lý Thị Sa T xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Lý Thị Sa T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 04/8/2022, bà Lý Thị Sa T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Hữu V có nơi cư trú tại Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn bà Lý Thị Sa T vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Lê Hữu V vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lý Thị Sa T về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Khi bà Lý Thị Sa T được khoảng 17, 18 tuổi nhưng không nhớ rõ năm nào, bà Lý Thị Sa T và ông Lê Hữu V tự nguyện sống chung như vợ chồng nhưng chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Sau quá trình bà Lý Thị Sa T chung sống có hai con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 24/6/2008 và Lê Tuấn K, sinh ngày 22/7/2010. Sau đó đến năm 2011, bà Lý Thị Sa T mới tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Long Phú cấp giấy chứng nhận kết hôn số 164/2011, quyển số 01/2011 ngày 22/7/2011. Từ khi sống chung như vợ chồng đến khi đăng ký kết hôn bà Lý Thị Sa T đều sinh sống tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do ông Lê Hữu V đứng tên chủ hộ. Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010 cũng như Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ

hôn nhân giữa bà Lý Thị Sa T và ông Lê Hữu V là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Lý Thị Sa T: Nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng bà Lý Thị Sa T phát sinh mâu thuẫn là do ông Lê Hữu V nhậu về gây ra nhiều vấn đề rạn nứt trong cuộc sống vợ chồng. Bà Lý Thị Sa T đã không thể hàn gắn được mâu thuẫn và đến năm 2012 thì ông V về sống bên gia đình của cha mẹ ruột tại Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Ông Lê Hữu V không còn quan tâm đến vợ con cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy những nội dung này đã được gửi trực tiếp cho ông Lê Hữu V nhận sau khi thụ lý vụ án. Tuy nhiên ông Lê Hữu V không có ý kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà Lý Thị Sa T đã xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân do ông Lê Hữu V bỏ về sống bên gia đình cha mẹ ruột từ năm 2012 cho đến nay. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng cho bà Lý Thị Sa T ông Lê Hữu V hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông Lê Hữu V đều vắng mặt. Việc này đã thể hiện việc cho ông Lê Hữu V không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Lý Thị Sa T. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Sa T cho bà Lý Thị Sa T được ly hôn với cho ông Lê Hữu V.

[3.3] Về thời điểm chấm dứt hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật hôn nhân dân đình quy định "Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật". Do đó quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 164/2011, quyển 01/2011 ngày 22/7/2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn Long Phú cấp của bà Lý Thị Sa T và ông Lê Hữu V sẽ chấm dứt khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

[3.4] Về con chung: Bà Lý Thị Sa T xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Lý Thị Sa T và ông Lê Hữu V có hai người con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 24/6/2008 và Lê Tuấn K, sinh ngày 22/7/2010. Hiện nay con chung do bà Lý Thị Sa T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với giấy khai sinh mang tên Lê Bảo N, sinh ngày 24/6/2008 và Lê Tuấn K, sinh ngày 22/7/2010 thể hiện là con chung của bà Lý Thị Sa T, ông Lê Hữu V.

[3.5] Xét ý kiến của bà Lý Thị Sa T về việc bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 24/6/2008 và Lê Tuấn K, sinh ngày 22/7/2010 hiện nay đang được bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, Lê Bảo N, sinh ngày 24/6/2008 và Lê Tuấn K, sinh ngày 22/7/2010 đều có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Bên cạnh đó từ khi vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay con chung Lê Bảo N, sinh ngày 24/6/2008 và Lê Tuấn K, sinh ngày 22/7/2010 đang được bà Lý Thị Sa T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến nay. Ông Lê Hữu V cũng không có ý kiến gì về việc này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 24/6/2008 và Lê Tuấn K, sinh ngày 22/7/2010 cho bà Lý Thị Sa T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lý Thị Sa T xác định hiện tại có nguồn thu nhập ổn định mỗi tháng nên đảm bảo cho việc nuôi và không cần ông Lê Hữu V phải cấp dưỡng cho con chung và không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.7] Bên cạnh đó ông Lê Hữu V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà Lý Thị Sa T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Lý Thị Sa T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Lý Thị Sa T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Lý Thị Sa T, ông Lê Hữu V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Sa T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Sa T được ly hôn với ông Lê Hữu V. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị Sa T ông Lê Hữu V theo giấy chứng nhận kết hôn số 164/2011, quyển 01/2011 ngày 22/7/2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn Long Phú cấp sẽ chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 24/6/2008 và Lê Tuấn K, sinh ngày 22/7/2010 (hiện nay con chung đang sống với bà Lý Thị Sa T) cho bà Lý Thị Sa T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Lê Hữu V không phải cấp dưỡng cho con. Ông Lê Hữu V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà Lý Thị Sa T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Lê Hữu V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung: Bà Lý Thị Sa T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Lý Thị Sa T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị Sa T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006000, ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Như vậy bà Lý Thị Sa T đã thực hiện xong). Ông Lê Hữu V không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Lý Thị Sa T và ông Lê Hữu V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND TT Long Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thái Ngọc